

Bản án số: 10/2019/DS-ST  
Ngày: 22-11-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Chung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Toàn;
2. Ông Trần Ngọc Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP TV; địa chỉ: Số 89 A, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông C; địa chỉ: Số 150 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ TV AMC; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của ông G - Chủ tịch Hội đồng quản trị TV và Văn bản ủy quyền v/v nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án số 5429/2019/UQ-VPB ngày 12/7/2019 của ông H - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân); có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà TTL; địa chỉ: Số 5/61 I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP TV (sau đây viết tắt là TV) do ông C là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Bà TTL vay vốn tại TV theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201712/263619 ngày 29/12/2017, giải ngân theo Hợp đồng số LD1800801167 ngày 08/01/2018 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng), cụ thể như sau:

Số tiền vay: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 28%/năm. Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 28%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/07, 01/10, và 01/01 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/7/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 20%/năm, phạt chậm trả lãi là: 10%. Lãi suất bán vốn là mức Lãi suất do Hội sở chính của Bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ. Mục đích vay: Cho vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà TTL đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho TV, TV đã nhiều lần đôn đốc khoản nợ vay nhưng bà TTL không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định, do đó, khoản vay bị nợ quá hạn kể từ ngày 08/6/2018. Tạm tính đến ngày 22/11/2019, bà TTL mới trả nợ cho TV tổng số tiền là: 6.631.303 đồng (trong đó, số tiền gốc đã trả là: 3.035.903 đồng, lãi đã trả là: 3.595.400 đồng). Số tiền phải trả hàng tháng (mỗi kỳ) trung bình là 1.653.810 đồng. Bà TTL mới trả được 04 kỳ không đúng hạn thanh toán theo hợp đồng dẫn đến quá hạn.

Tổng số tiền bà TTL còn nợ TV tạm tính đến ngày 22/11/2019 là: 62.359.785 đồng (sáu mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng).

Trong đó: Nợ gốc là: 36.964.097 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 865.207 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 22.542.277 đồng; Lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn là: 1.988.204 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của TV, TV đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà TTL phải trả cho TV toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 22/11/2019 là: 62.359.785 đồng (sáu mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn,

bảy trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó Nợ gốc là: 36.964.097 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 865.207 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 22.542.277 đồng; Lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn là: 1.988.204 đồng.

Buộc bà TTL tiếp tục thanh toán cho TV khoản tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bà TTL thực tế thanh toán hết nợ cho TV.

Tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn và tại phiên tòa, bị đơn bà TTL xác nhận: Bà TTL vay vốn tại TV theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201712/263619 ngày 29/12/2017, giải ngân theo Hợp đồng số LD1800801167 ngày 08/01/2018 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng), với các nội dung về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay và mục đích vay như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà TTL đã thanh toán nợ cho TV một số kỳ nhưng do hoàn cảnh khó khăn, đến nay, bà TTL chưa có điều kiện thu xếp tiền để trả nợ cho ngân hàng. Nay, TV khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa TV và bà TTL, bà đề nghị TV tạo điều kiện gia hạn thời gian trả nợ, chốt lại khoản nợ gốc, không tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1800801167. Bà TTL sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc 36.964.097 đồng; với lộ trình trả nợ là: 2.000.000 đồng/tháng, chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, kể từ tháng 01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với TV. Đối với khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc, bà TTL đề nghị TV chốt lại tổng số là 10.000.000 đồng, với lộ trình trả nợ là 2.000.000 đồng/tháng sau khi đã trả xong nợ gốc.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông C không chấp nhận đề nghị của bà TTL về việc chốt lại số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc là 10.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD1800801167 ngày 08/01/2018 cũng như lộ trình trả nợ mà bà TTL đề xuất. Ông Hiếu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà TTL phải trả cho TV số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 62.359.785 đồng. Trong đó, nợ gốc 36.964.097 đồng, nợ lãi trong hạn 865.207 đồng, nợ lãi quá hạn 22.542.277 đồng lãi phạt chậm trả là 1.988.204 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà TTL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/11/2019) theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Về án phí, bị đơn bà TTL phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: TV khởi kiện yêu cầu bà TTL thanh toán số tiền gốc và lãi là 62.359.785 đồng (sáu mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) xuất phát từ Hợp đồng tín dụng số LD1800801167 ngày 08/01/2018. Do đây là tranh chấp giữa tổ chức với cá nhân, bị đơn là bà TTL có nơi cư trú vào thời điểm xác lập hợp đồng tại: Số 5/61 I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Xét giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201712/263619 ngày 29/12/2017 giữa TV với bà TTL được TV phê duyệt ngày 08/01/2018 được xác lập theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của TV yêu cầu bà TTL thanh toán số tiền 62.359.785 đồng, thấy rằng: Việc bà TTL không tiếp tục thanh toán

cho TV từ ngày 08/6/2018 đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm cho quyền lợi của TV bị xâm phạm. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc thanh toán các khoản nợ nhưng bà TTL không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà TTL đã được Tòa án lấy lời khai và xác nhận các nội dung: Vay tiền, thanh toán nợ và số tiền nợ gốc còn lại giữa bà với TV như người đại diện theo ủy quyền của TV trình bày là đúng. Căn cứ Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn bà TTL phải trả cho TV tổng số tiền 62.359.785 đồng; trong đó nợ gốc: Số tiền 36.964.097 đồng; nợ lãi trong hạn là: 865.207 đồng; nợ lãi quá hạn là: 22.542.277 đồng; lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn là: 1.988.204 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà TTL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/11/2019) theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.240.000 đồng. Buộc bị đơn là bà TTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể:  $62.359.785 \text{ đồng} \times 5\% : 100\% = 3.117.990 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TV đối với bà TTL.

Buộc bà TTL có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TV số tiền 62.359.785 đồng (sáu mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc: số tiền 36.964.097 đồng; nợ lãi trong hạn là: 865.207 đồng; nợ lãi quá hạn là: 22.542.277 đồng; lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn là: 1.988.204 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất các bên thỏa thuận.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà TTL phải chịu 3.117.990 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TV 1.240.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013477 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát ND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Chung**